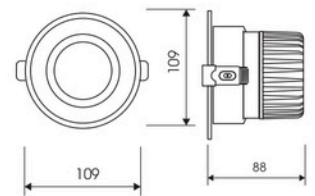
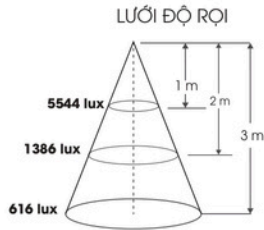
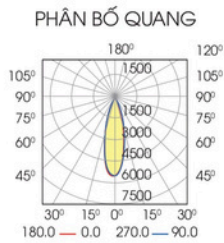


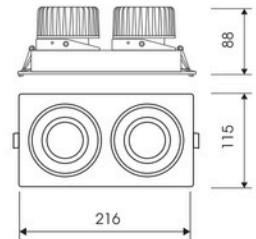
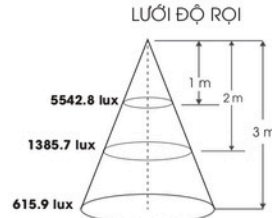
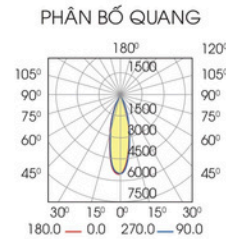
ĐÈN LED DOWNLIGHT AT25



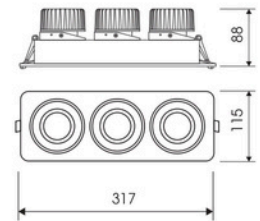
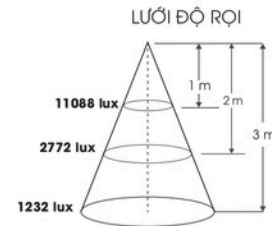
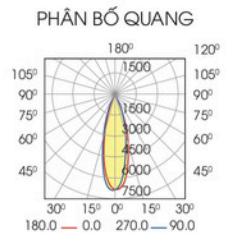
AT25 100/16Wx1.PLUS



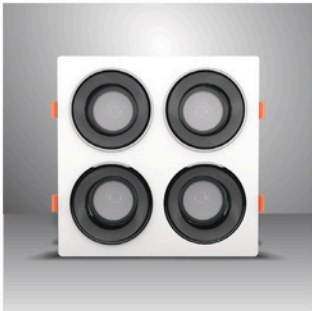
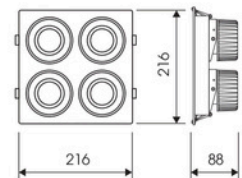
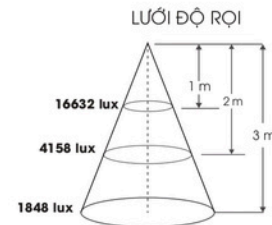
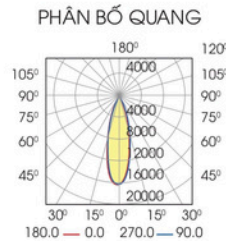
AT25 108x108/16Wx1.PLUS



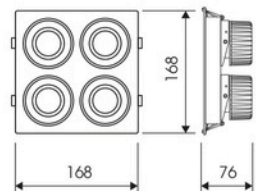
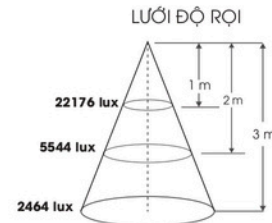
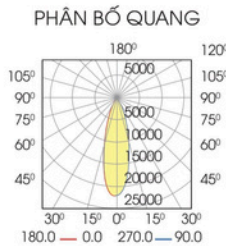
AT25 108x208/16Wx2.PLUS



AT25 108x308/16Wx3.PLUS



AT25 208x208/16Wx4.PLUS



Model	Công suất	Dải điện áp hoạt động	Hệ số công suất	Hiệu suất sáng	Quang thông	Nhiệt độ màu	Chỉ số hoàn màu	Tuổi thọ	Đường kính khoét trần	Kích thước (DxRxH ØxC)
	W	V		lm / W	lm	K		Giờ	mm	mm
AT25 100/ 16Wx1.PLUS	16	150÷250	0,9	65	1040	3000/ 4000/ 6500	80	30000	100	109x88
AT25 108x108/ 16W x1.PLUS	16	150÷250	0,9	65	1040	3000/ 4000/ 6500	80	30000	108x108	115x115x88
AT25 108x208/ 16W x2.PLUS	32	150÷250	0,9	65	2080	3000/ 4000/ 6500	80	30000	208x108	216x115x88
AT25 108x308/ 16W x3.PLUS	48	150÷250	0,9	65	3120	3000/ 4000/ 6500	80	30000	308x108	317x115x88
AT25 208x208/ 16W x4.PLUS	64	150÷250	0,9	65	4160	3000/ 4000/ 6500	80	30000	208x208	216x216x88